

Bản án số: 125/2026/DS-ST

Ngày: 10-7-2026

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa Bà Lý Thị Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Văn Quyền

2. Bà Nguyễn Thị Huế Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Huynh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 294/2026/TLST-DS ngày 27/05/2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2026/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 270/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 08/3/2024CCCD số: 094183015941 do Cục cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021. Địa chỉ: Ấp S, xã K, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1973 (có mặt)

2.2. Ông Huỳnh An K (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2026 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D tại phiên tòa thì: Bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K có làm đầu thảo hụi và bà là hụi viên có tham gia đây hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/08/2024 (âm lịch), hụi có 22 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "Diễm". Bà đóng hụi sống được 09 lần với số tiền hụi có lãi là 09 lần x 01 phần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng. Đến ngày 10/05/2025 âm lịch tôi đi khai hụi thì bà T và ông K nói là ngừng mở hụi nhưng không nêu rõ lý do và cũng không trả tiền

hụi sống cho bà. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K và bà Huỳnh Thị Cẩm T1 phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền hụi còn nợ là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền này.

Tại phiên tòa bà D rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T1 do bà cho rằng bà T1 chỉ là người đi thu tiền hụi giúp ông K và bà T. Đồng thời, bà D đồng ý trừ tiền đầu cho bà T là 2.500.000 đồng yêu cầu trả số tiền 42.500.000 đồng.

- *Bị đơn bà Bùi Thị T trình bày:* Bà thừa nhận bà D có tham gia dây hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/08/2024 (âm lịch), hụi có 22 phần, đã đóng 09 lần hụi sống với số vốn 31.950.000 đồng, sau khi trừ tiền đầu thảo thì bà còn nợ lại bà D 29.450.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền này và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, khi nào thu hồi được từ các hụi viên đã hốt thì bà sẽ trả nhiều hơn.

- *Bị đơn ông Huỳnh An K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị T và ông Huỳnh Văn K1 và bà Huỳnh Thị Cẩm T1 phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho tôi số tiền hụi còn nợ là 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi trừ đầu thảo 2.500.000 đồng thì còn lại là 42.500.000 đồng, bà D yêu cầu bà T và ông K1 trả lại cho bà số tiền này và rút lại yêu cầu khởi kiện đối số tiền 2.500.000 đồng và yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T1. Xét thấy việc bà D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà D đã rút.

Tại phiên tòa, bà D và bà T thống nhất xác định bà D có tham gia hụi do bà T làm chủ hụi cụ thể là dây hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/08/2024 (âm lịch), hụi có 22 phần, đã đóng 09 lần hụi sống với số vốn 31.950.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Mặc dù thống nhất xác định việc bà D có tham gia các dây hụi nêu trên nhưng bà T không đồng ý trả số tiền nợ hụi có tiền lãi như bà D yêu cầu, bà T xác định bà D đã đóng số tiền vốn là 31.950.000 đồng, sau khi trừ tiền đầu thảo là 2.500.000 đồng thì còn lại là 29.450.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền này. Xét thấy, khi tham gia giao dịch hụi, các bên đều thỏa thuận là hụi có lãi, việc buộc bà T trả lãi đối với các lần nguyên đơn đóng hụi sống theo thỏa thuận của các bên trong quá trình chơi hụi là phù hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của hụi viên khi tham gia chơi hụi, bởi lẽ, khi tham gia hụi, các hụi viên đều có mong muốn tích

góp tiền để phục vụ cho mục đích sử dụng của mình và mong muốn số tiền bỏ ra sẽ sinh lời và cụ thể số tiền lời ở đây là khoản tiền mà các hội viên hốt trước bỏ ra để cho các hội viên hốt sau được hưởng. Trường hợp các hội viên đã lĩnh hội (hốt hội) nhưng không đóng hội chết đầy đủ mà chủ hội phải đóng thay thì khi khởi kiện các hội viên này bà T vẫn được quyền yêu cầu trả số tiền vốn, lãi hội. Vì vậy bà H yêu cầu bà T trả số tiền 118.500.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy bà D yêu cầu bà T trả số tiền 42.500.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với nghĩa vụ của ông Huỳnh An K, bà T cho rằng ông K không cùng bà làm chủ hội và không biết việc bà làm chủ hội, số tiền bà có được từ việc làm chủ hội (tiền đầu thảo) thì bà chỉ dùng để bù đắp các phần hội mà hội viên không đóng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 12/6/2026 bà T thừa nhận ông K có biết việc bà có làm chủ các dây hội, không biết làm chủ những dây hội nào và số tiền bà có được từ việc làm chủ hội cũng sử dụng cho các chi phí trong sinh hoạt thiết yếu của gia đình, đồng thời, tại phiên tòa bà T cũng xác định khi các hội viên đóng hội thì có đến nhà bà để đóng, như vậy có cơ sở để xác định số tiền mà bà D yêu cầu trong vụ án này là nợ chung của bà T và ông K. Như vậy ông K cũng phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền hội còn nợ là 42.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc D theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, phường và Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, trong quá trình chơi hội, phía bà T, ông K là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ giao tiền hội đầy đủ cho nguyên đơn. Từ đó yêu cầu của bà D về việc buộc ông K và bà T liên đới trả cho bà số tiền 42.500.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 42.500.000 đồng x 5% = 2.125.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; các Điều 18, 23, 25, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, phường;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc bà D yêu cầu bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 2.500.000 đồng và yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D. Buộc bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K liên đới trả có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền hụi còn nợ là 42.500.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Nguyễn Thị Ngọc D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 2.125.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc D không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010628 ngày 27/05/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND KV10-Cần Thơ;
- THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Tư

